TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2021
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám.

Bà Đặng Thị Tiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021, thông báo V/v hoãn phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 15 tháng 6 năm 2021, thông báo v/v mở lại phiên tòa số: 03/TB-TA ngày 18 tháng 10 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số:59/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Phong V, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số N, khu phố N, phường N, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số N, khu phố N, phường N, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Phong V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc T chung sống vợ chồng từ năm 2010, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống và thường xuyên tranh cãi. Khi xảy ra mâu thuẫn anh cũng đã nhiều lần khuyên ngăn và hàn gắn tình cảm vợ chồng để lo cho con nhưng sau đó mâu thuẫn lại tiếp tục xảy ra, chung sống không còn hạnh phúc. Anh với chị T đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 22/09/2011, hiện đang sống với anh. Ly hôn anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Gia B và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Phong V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh Trần Phong V và chị Nguyễn Thị Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79 tại quyển số 01 vào ngày 28/5/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ vợ chồng giữa anh V và chị T đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo anh V trình bày thì từ năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống và thường xuyên tranh cãi. Khi xảy ra mâu thuẫn anh cũng đã nhiều lần khuyên ngăn và hàn gắn tình cảm vợ chồng để lo cho con nhưng sau đó mâu thuẫn lại tiếp tục xảy ra, chung sống không còn hạnh phúc. Anh với chị T đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Riêng đối với chị Nguyễn Thị Ngọc T, từ khi được Tòa án thông báo về việc anh V ly hôn chị vẫn bỏ mặc không có ý kiến gì, chứng tỏ chị không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với anh V nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh V với chị T thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh V được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh Trần Phong V trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 22/09/2011. Xét, từ khi anh V và chị T sống ly thân thì cháu Bảo do anh V trực tiếp nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt. Tại bản tự khai cháu Bảo cũng có nguyện vọng sống chung với anh V khi cha và mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao các con chung cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Trần Phong V không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Phong V trình bày tự thỏa thuận và không có, còn chị Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Anh Trần Phong V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Phong V. Cho anh Trần Phong V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

2. Về con: Giao con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 22/09/2011 cho anh Trần Phong V nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Phong V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006898 ngày 23/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

‘

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, TG

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 23 tháng 11 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám.

Bà Đặng Thị Tiềm

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về: " Tranh chấp ly hôn và nuôi con" giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Phong V, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số N, khu phố N, phường N, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số N, khu phố N, phường N, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật[8].

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Phong V. Cho anh Trần Phong V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

2. Về con: Giao con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 22/09/2011 cho anh Trần Phong V nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Phong V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006898 ngày 23/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 23 tháng 11 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*